

**QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH**

**(Cụ thể hoá Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy
ban hành kèm theo QĐ số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/06**

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 06 /QĐ-ĐHSPKT Vinh
ngày 06 tháng 02 năm 2007 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPKT Vinh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Quy chế này quy định về tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp đối với hệ đào tạo đại học và cao đẳng chính quy.
2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khoá đào tạo hệ chính quy ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, bao gồm đại học, cao đẳng (tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT và tuyển sinh từ công nhân kỹ thuật) thực hiện theo học chế mềm dẻo kết hợp niên chế với học phần.

Điều 2: Chương trình giáo dục đại học.

1. Chương trình giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu giáo dục đại học; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục đại học, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo của giáo dục đại học.
2. Chương trình được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Mỗi chương trình khung tương ứng với một ngành đào tạo ở một trình độ đào tạo cụ thể.
Mỗi chương trình có thể gắn với một ngành hoặc với một vài ngành đào tạo.
3. Chương trình được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

Điều 3: Học phần và đơn vị học trình.

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 5 đơn vị học trình, được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Các học phần được mã hoá bằng các chữ số ký hiệu cho trình độ đào tạo, ngành đào tạo, khoa hoặc bộ môn trực thuộc quản lý học phần, khối kiến thức, tính chất của học phần, thứ tự năm học (Cụ thể như phụ lục 1).

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi ngành và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Đơn vị học trình (ĐVHT) được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Mỗi đơn vị học trình được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết, bằng 30-45 tiết thực hành, thí nghiệm hay thảo luận; bằng 45-90 giờ thực tập tại cơ sở; hoặc bằng 45-60 giờ làm tiểu luận, đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một đơn vị học trình sinh viên phải dành ít nhất 15 giờ chuẩn bị cá nhân.

Số tiết, số giờ đối với từng học phần được quy định trong nội dung chương trình đào tạo.

4. Mỗi tiết học được tính bằng 45 phút.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 4: Thời gian và kế hoạch đào tạo.

1. Nhà trường tổ chức đào tạo theo khoá học và năm học.

a) Khóa học là thời gian để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc vào chương trình đào tạo, khoá học được qui định như sau:

- Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện:

+ 3 năm, chia làm 6 học kỳ chính đối với hệ cao đẳng kỹ thuật (CĐKT), tuyển sinh từ những người tốt nghiệp THPT.

+ 3 năm 4 tháng chia làm 7 học kỳ chính đối với hệ cao đẳng sư phạm kỹ thuật (CĐSPKT), tuyển sinh từ những người tốt nghiệp THPT.

+ 2 năm 2 tháng, chia làm 4 học kỳ chính đối với hệ CĐSPKT, tuyển sinh từ những người tốt nghiệp công nhân lành nghề cùng nghề (liên thông từ công nhân lên cao đẳng).

- Đào tạo trình độ đại học được thực hiện:

+ 4 năm, chia làm 8 học kỳ chính đối với ngành Tin học ứng dụng, tuyển sinh từ những người tốt nghiệp THPT.

+ 4,5 năm, chia làm 9 học kỳ chính đối với các ngành khác, tuyển sinh từ những người tốt nghiệp THPT.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi, kiểm tra. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm một học kỳ hè để sinh viên có các học phần bị đánh giá không đạt ở các học kỳ

chính được học lại và để sinh viên học giỏi có điều kiện học vượt kết thúc sớm chương trình học tập. Mỗi học kỳ hè có ít nhất 5 tuần thực học và một tuần thi, kiểm tra.

2. Căn cứ vào khối lượng kiến thức quy định cho các chương trình, Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khoá học, kế hoạch năm học và kế hoạch từng học kỳ trình Hiệu trưởng phê duyệt. Các đơn vị giảng dạy và các đơn vị chức năng khác có trách nhiệm tổ chức, thực hiện kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt.

a) Đầu khoá học, Nhà trường sẽ thông báo công khai về nội dung và kế hoạch học tập của các ngành đào tạo; quy chế đào tạo; nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

b) Đầu mỗi năm học, Nhà trường thông báo lịch trình học của từng chương trình trong học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn, đề cương chi tiết học phần và điều kiện để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi các học phần.

Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ sinh viên phải đăng ký các học phần tự chọn, các học phần sẽ học thêm hoặc các học phần chưa định học nằm trong lịch trình học của học kỳ đó với Phòng Đào tạo (theo mẫu ở phần phụ lục), sau khi đã tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập. Nếu không đăng ký, sinh viên phải chấp nhận lịch trình học do nhà trường quy định.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo bao gồm thời gian của khoá học qui định tại khoản 1 điều này và thời gian tối đa được phép tạm ngừng học; cụ thể như bảng sau :

Hệ đào tạo	SV thuộc diện UT		SV thuộc diện không UT	
	Thời gian tối đa hoàn thành chương trình	Trong đó thời gian tối đa được phép tạm ngừng học	Thời gian tối đa hoàn thành chương trình	Trong đó thời gian tối đa được phép tạm ngừng học
Cao đẳng công nghệ kỹ thuật	6 năm (12 HK)	3 năm	5 năm (10 HK)	2 năm
Cao đẳng sư phạm kỹ thuật	6, 5 năm (13 HK)	3 năm	5, 5 năm	2 năm
Đại học ngành Tin học ứng dụng	7 năm (14 HK)	3 năm	6 năm (12 HK)	2 năm
Đại học khác	7,5 năm (15 HK)	3 năm	6,5 năm (13 HK)	2 năm
Cao đẳng tuyển sinh từ CNKT	4 năm = 8HK	2 năm	3 năm = 6 HK	1 năm

Điều 5: Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình (hoặc ngành đào tạo).

Tuỳ theo tình hình cụ thể hàng năm, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định điểm xét tuyển theo chương trình (hoặc theo ngành đào tạo) hoặc điểm xét tuyển chung trong kỳ thi tuyển sinh ứng với trình độ cao đẳng hoặc đại học.

1. Nếu xét tuyển theo chương trình (hoặc theo ngành đào tạo) thì sinh viên đạt điểm xét tuyển sẽ được bố trí sắp xếp vào ngành đã đăng ký xét tuyển. Sinh viên vào hệ sư phạm kỹ thuật được xét tuyển trong số sinh viên trúng tuyển theo từng ngành bằng cách lấy từ điểm cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.

2. Nếu xác định điểm xét tuyển chung cho tất cả các chương trình (hoặc tất cả các ngành đào tạo) thì căn cứ chỉ tiêu đào tạo sư phạm kỹ thuật và công nghệ kỹ thuật, Nhà trường sẽ xét trúng tuyển cho thí sinh. Mỗi hệ sư phạm kỹ thuật hoặc công nghệ kỹ thuật có 1 điểm xét tuyển chung cho tất cả các ngành đào tạo. Sau khi sinh viên trúng tuyển đến trường, căn cứ vào chỉ tiêu của các ngành đào tạo được công bố trước, nguyện vọng và điểm thi tuyển sinh của sinh viên Nhà trường sẽ sắp xếp sinh viên vào các ngành đào tạo. Trong trường hợp cần điều chỉnh số lượng sinh viên vào từng ngành đào tạo, Hiệu trưởng sẽ quy định thêm các tiêu thức phụ khi sắp xếp ngành học.

Điều 6: Điều kiện để sinh viên được học tiếp, được nghỉ học tạm thời, được tạm ngừng học hoặc bị thôi học.

Trước khi vào năm học, nhà trường căn cứ vào số học phần đã học, điểm trung bình chung học tập của năm học đã qua và điểm trung bình chung của tất cả các học phần tính từ đầu khoá học để xét việc học tiếp, việc nghỉ học tạm thời, việc tạm ngừng học hoặc bị buộc thôi học của sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên ở học kỳ hè (nếu có) thuộc năm học nào được tính chung vào kết quả học tập của năm học đó.

1. Sinh viên được học tiếp lên năm học sau nếu có đủ các điều kiện sau:

a. Có điểm TBC học tập của năm học từ 5,00 trở lên.

b. Có khối lượng các học phần bị điểm dưới 5 tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét không vượt quá 25 ĐVHT.

Tại các học kỳ kế sau các sinh viên được học tiếp phải chủ động đăng ký học lại những học phần bị điểm dưới 5 nếu là học phần bắt buộc; đăng ký học lại hoặc có thể đăng ký chuyển qua học phần mới nếu là học phần tự chọn tại Phòng Đào tạo.

2. Sinh viên được quyền xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập đã học trong các trường hợp sau đây:

a. Được động viên vào lực lượng vũ trang;

b. Bị ốm hoặc bị tai nạn buộc phải điều trị dài ngày, người nhà của sinh viên phải báo cáo, sau khi ra viện sinh viên phải có giấy ra viện và bản photo bệnh án của cơ sở y tế cấp quận huyện hoặc tương đương trở lên (nơi đã điều trị) cho Nhà trường qua Phòng Công tác học sinh, sinh viên.

c. Vì nhu cầu cá nhân (sinh viên xin nghỉ học tạm thời để chăm sóc cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng chính bị ốm đau dài ngày mà sinh viên đó là người chịu trách nhiệm

chính, hoặc do điều kiện thiên tai, điều kiện kinh tế không thể tiếp tục học theo tiến độ bình thường được...) Trong trường hợp này, sinh viên phải có đủ các điều kiện sau:

- Đã học được ít nhất 01 học kỳ tại trường;

- Có điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khoá học đến thời điểm xin nghỉ học đạt từ 5,00 trở lên.

Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học tối đa qui định tại Khoản 3, Điều 4 của Quy chế này.

Sinh viên muốn nghỉ học tạm thời phải làm đơn xin nghỉ học gửi Hiệu trưởng (qua Phòng Công tác học sinh, sinh viên). Khi muốn trở lại học tập phải gửi đơn xin học tiếp tới Hiệu trưởng (qua Phòng Công tác học sinh – sinh viên) trước ít nhất 01 tuần khi học kỳ hoặc năm học mới bắt đầu.

3. Sinh viên được quyền tạm ngừng học để có thời gian củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập.

a. Có điểm TBC học tập của năm học đạt từ 3,50 đến dưới 5,00.

b. Có tổng số các học phần bị điểm dưới 5 tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét vượt quá 25 ĐVHT.

c. Có điểm TBC của tất cả các học phần tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét đạt từ 4,00 đến dưới 5,00 sau 2 năm học; từ 4,50 đến dưới 5,00 sau 3 năm học và từ 4,80 đến dưới 5,00 sau 4 năm học.

Trong thời gian ngừng học sinh viên phải chủ động đăng ký học lại các học phần chưa đạt nếu là học phần bắt buộc; đăng ký học lại hoặc có thể chuyển qua học phần mới nếu là học phần tự chọn; đăng ký học một số học phần của năm học tiếp theo qua Phòng Đào tạo và nộp lệ phí tại phòng Kế toán – Tài vụ (mức nộp học phí được Hiệu trưởng quy định trong văn bản riêng)

4. Sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a. Có điểm TBC học tập của năm học dưới 3,50;

b. Có điểm TBC tất cả các học phần tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét dưới 4,00 sau 2 năm học; dưới 4,50 sau 3 năm học và dưới 4,80 sau 4 năm học trở lên;

c. Đã hết thời gian tối đa được phép học tại trường qui định tại Khoản 3 Điều 4 của Quy chế này;

d. Bị kỷ luật lần thứ 2 vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo qui định tại khoản 2, Điều 19 của Quy chế này;

Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định thôi học, Phòng Công tác học sinh - sinh viên phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường có các chương trình ở các trình độ thấp hơn hoặc có các chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng thì những sinh viên thuộc các diện quy định tại các điểm a, b và c khoản này được quyền làm đơn xin xét chuyển qua các chương trình đó gửi cho Phòng Đào tạo và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Phòng Đào tạo có trách nhiệm tổng

hợp đơn của các sinh viên và kết quả học tập được bảo lưu cho từng trường hợp cụ thể trình Hiệu trưởng quyết định.

Điều 7: Ưu tiên trong đào tạo.

1. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo đối tượng quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy được hưởng chế độ ưu tiên trong đào tạo.

2. Sinh viên đại học và cao đẳng thuộc các đối tượng ưu tiên được tạm ngừng học để củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập. Thời gian tạm ngừng học tối đa như mục 3 điều 6.

3. Trong thời gian tạm ngừng học, sinh viên thuộc đối tượng ưu tiên vẫn được hưởng các chế độ ưu đãi của Nhà nước.

Điều 8: Học theo tiến độ khác với tiến độ chung của nhà trường và học cùng lúc hai chương trình.

1. Học theo tiến độ chậm:

a) Sinh viên học theo tiến độ chậm là sinh viên có nhu cầu học chậm so với tiến độ chung của khoá học được quyền đăng ký với Phòng Đào tạo để xin tạm rút một số học phần trong lịch trình học quy định.

b) Các quy định học theo tiến độ chậm:

- Số học phần đăng ký tạm rút trong mỗi học kỳ có tổng khối lượng không quá 12 đơn vị học trình và chủ yếu thuộc vào nhóm học phần không mang tính bắt buộc đối với ngành đào tạo chính;

- Điều kiện để được học tiếp, ngừng học hoặc thôi học đối với các sinh viên học theo tiến độ chậm được thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;

- Thời gian cho toàn khoá học đối với các sinh viên theo học tiến độ chậm không được vượt quá thời gian tối đa cho phép học đối với sinh viên học theo tiến độ bình thường quy định tại khoản 3 Điều 4 của Quy chế này;

- Trừ các đối tượng được ưu tiên theo quy định, những sinh viên học theo tiến độ chậm ở năm học nào thì không được hưởng chính sách học bổng ở năm học đó.

2. Học theo tiến độ nhanh:

a) Sinh viên học theo tiến độ nhanh là sinh viên có nhu cầu học nhanh hơn so với tiến độ chung của khoá học được quyền đăng ký với Phòng Đào tạo để học vượt một số học phần so với lịch trình học quy định.

b) Các quy định học theo tiến độ nhanh:

- Chỉ được thực hiện đối với những sinh viên đã học xong năm học thứ nhất;

- Sinh viên không thuộc diện tạm ngừng học và có điểm TBC học tập cả năm từ 6,50.

- Sinh viên đang được phép học vượt, nhưng nếu có điểm trung bình chung học tập của năm học đạt dưới 6,00 thì phải dừng học vượt ở năm học tiếp theo.

- Sinh viên học vượt được rút ngắn thời gian học ở trường so với thời gian quy định cho toàn khoá học nhưng không được quá một năm đối với trình độ đại học và không quá một học kỳ đối với trình độ cao đẳng;

3. Học cùng lúc hai chương trình:

a) Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai tại trường đang học để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

b) Các quy định học cùng lúc hai chương trình:

- Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác với ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất.

- Sinh viên không thuộc diện tạm ngừng học và có điểm trung bình chung học tập cả năm từ 7,00 trở lên.

- Sinh viên đang học thêm chương trình thứ hai nếu có điểm trung bình chung học tập của năm học đó đạt dưới 6,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở năm học tiếp theo.

- Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên đăng ký học đồng thời hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

- Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

3. Đối với sinh viên học vượt thời gian học ngắn hơn, hoặc đồng thời hai chương trình với thời gian học dài hơn, chế độ học bổng, học phí được thực hiện cho đến khi sinh viên hoàn thành chương trình.

Điều 9: Chuyển trường.

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a. Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b. Xin chuyển đến trường có ngành đào tạo trùng hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c. Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a. Sinh viên đã dự thi tuyển sinh nhưng không trúng tuyển hoặc có điểm thi thấp hơn điểm xét tuyển của trường xin chuyển đến trong trường hợp chung đề thi tuyển sinh.

b. Sinh viên có hộ khẩu thường trú nằm ngoài vùng tuyển của trường xin chuyển đến;

- c. Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khoá;
 - d. Sinh viên đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.
3. Thủ tục chuyển trường:
- a. Sinh viên chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của Nhà trường;
 - b. Hiệu trưởng Nhà trường có quyền quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận sinh viên xin chuyển đến; quyết định việc học tiếp tục của sinh viên như: năm học và số học phần mà sinh viên chuyển đến trường phải bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 10: Đánh giá học phần .

1. Các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:

Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) bao gồm:

- Điểm đánh giá bộ phận có tổng trọng số là 30% và do giảng viên giảng dạy học phần thực hiện. Tùy theo học phần cụ thể, điểm đánh giá bộ phận có thể gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần, điểm tiểu luận, điểm đồ án môn học... Các loại điểm này phải được công khai trong chương trình đào tạo hoặc đề cương chi tiết học phần. Trong đó:

+ Điểm chuyên cần: Chủ yếu đánh giá tính chuyên cần chăm chỉ học tập của sinh viên thể hiện qua việc tham gia lên lớp thường xuyên. Sinh viên nghỉ học phải làm đơn xin phép nghỉ học gửi giảng viên giảng dạy bộ môn.

Điểm chuyên cần là 10 điểm, nếu sinh viên lên lớp 100% số tiết học của học phần; không được dự thi kết thúc học phần nếu sinh viên lên lớp dưới 80% số tiết học của học phần. Điểm chuyên cần có trọng số 10%.

+ Các thành phần còn lại của điểm đánh giá bộ phận có trọng số 20%.

Trong khi chưa kịp công bố đề cương chi tiết, các bộ môn có trách nhiệm qui định cụ thể cách đánh giá, phân bổ trọng số các thành phần cụ thể đối với loại điểm này cho các học phần mà mình phụ trách (xem biểu mẫu số 4).

- Điểm bài thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số 70%. Khoa giảng dạy học phần tổ chức thi và đánh giá.

2. Các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm của học phần loại này là trung bình cộng của các bài thực hành; điểm này do các viên giảng dạy học phần quyết định. Nếu sinh viên không tham dự từ 20% trở lên số bài thực hành của học phần thì phải học lại học phần đó. Nếu sinh viên không tham dự dưới 20%

số bài thực hành của học phần thì phải tự liên hệ học bù các bài thực hành đó. Chỉ khi giảng viên dạy bù đánh giá kết quả học bù đạt yêu cầu trở lên thì sinh viên mới được tổng kết học phần đó.

Sinh viên học lại và học bù nạp học phí tại Phòng Kế toán – Tài vụ (mức nộp học phí được Hiệu trưởng quy định trong văn bản riêng đã nói tại khoản 3 điều 6)

Điều 11: Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần.

1. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ (thi lại) để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ được tổ chức sớm nhất là 2 tuần sau kỳ thi chính, dành cho sinh viên chưa tham gia hoặc có điểm học phần dưới 5 ở kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn và thi mỗi học phần tỉ lệ thuận với số ĐVHT của học phần đó và được tính ít nhất nửa ngày cho mỗi ĐVHT; tuy theo quỹ thời gian cụ thể nhà trường có thể bố trí nhiều hơn.

Điều 12: Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, số lần được dự thi kết thúc học phần.

1. Đề thi phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Đơn vị giảng dạy đề xuất, Phòng Đào tạo tổng hợp trình Hiệu trưởng quyết định. Hình thức thi kết thúc học phần phải được công bố từ đầu học kỳ trong đề cương chi tiết học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc học phần và chấm bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Điểm phải được công bố chậm nhất là 1 tuần kể từ ngày thi hoặc ngày nộp bài tập lớn.

4. Chấm thi vấn đáp kết thúc học phần phải do 2 giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp phải được công bố công khai sau mỗi buổi thi sau khi hai giảng viên thống nhất được điểm chấm. Trong trường hợp không thống nhất được điểm chấm thì các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định điểm chấm.

Các điểm thi kết thúc học phần phải được ghi vào danh sách điểm thống nhất của Nhà trường, có chữ ký của 2 giảng viên chấm thi và lãnh đạo khoa. Danh sách điểm được lưu tại khoa và gửi về Phòng Đào tạo (bằng văn bản và chuyển dữ liệu qua mạng nội bộ) chậm nhất là 1 tuần sau khi thi.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này chỉ còn quyền dự thi 1 lần ở kỳ thi phụ sau đó.

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính nếu được Trường Phòng Đào tạo cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ sau đó và được tính là thi lần đầu. Những sinh viên này nếu chưa đạt thì được dự thi lần thứ 2 với các khoá (lớp) khác (nếu có) hoặc trong học kỳ hè.

7. Trong trường hợp cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ (thi lại) mà điểm học phần vẫn dưới 5 thì sinh viên phải đăng ký học lại học phần này và được dự thi tối đa 2 lần như học phần mới. Thủ tục đăng ký học lại theo mẫu 5. Lệ phí nộp theo qui định của Nhà trường.

Điều 13: Cách tính điểm kiểm tra, điểm thi, điểm trung bình chung và xếp loại kết quả học tập và quản lý kết quả học tập.

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

2. Điểm trung bình chung học tập:

a) Công thức tính điểm trung bình chung học tập như sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học tập hoặc điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khoá học;

a_i là điểm học phần thứ i ;

n_i là số đơn vị học trình của học phần thứ i ;

N là tổng số học phần;

Điểm trung bình chung học tập của mỗi học kỳ, mỗi năm học, mỗi khoá học và điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khoá học đến thời điểm tính toán được lấy đến hai chữ số thập phân.

b) Kết quả học tập các học phần Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và kết quả kỳ thi tốt nghiệp đối với các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh không tính vào điểm trung bình chung học tập của học kỳ, năm học hay khoá học.

c) Kết quả học tập các học phần sư phạm chỉ tính vào điểm trung bình chung học tập của học kỳ, năm học; không tính vào điểm trung bình chung của khoá học mà tính vào điểm trung bình chung của khối kiến thức sư phạm để xét cấp chứng chỉ sư phạm dạy nghề. Đối với ngành Sư phạm kỹ thuật công nghiệp, kết quả học tập các học phần sư phạm vẫn tính vào điểm trung bình chung của học kỳ, năm học và khóa học.

d) Việc đánh giá kết quả và điều kiện cấp chứng chỉ đối với các học phần Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất, Sư phạm dạy nghề theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ lao động – Thương binh và Xã hội.

e) Các điểm trung bình chung học tập để xét thôi học, tạm ngừng tiến độ học, được học tiếp; để xét tốt nghiệp và điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khoá học được tính theo điểm cao nhất trong các lần thi.

3. Xếp loại kết quả học tập:

- a) Loại đạt:
- | | | |
|----------------|---|----------------|
| Từ 9 đến 10 | : | Xuất sắc |
| Từ 8 đến cận 9 | : | Giỏi |
| Từ 7 đến cận 8 | : | Khá |
| Từ 6 đến cận 7 | : | Trung bình khá |
| Từ 5 đến cận 6 | : | Trung bình |
- b) Loại không đạt:
- | | | |
|----------------|---|-----|
| Từ 4 đến cận 5 | : | Yếu |
| Dưới 4 | : | Kém |

4. Quản lý kết quả học tập.

a. Các biểu mẫu quản lý kết quả học tập.

- Biểu mẫu 1: ghi điểm bộ phận, điểm thi kết thúc và điểm học phần của học phần lý thuyết, học phần có cả lý thuyết và thực hành.
- Biểu mẫu 2: ghi điểm bộ phận và điểm học phần của học phần thực hành.
- Biểu mẫu 3: Ghi điểm học phần và điểm trung bình chung của toàn bộ các học phần có trong chương trình đào tạo.

Các biểu mẫu này được thể hiện trong phụ lục 2.

b. Quản lý kết quả học tập:

- Giảng viên quản lý các điểm bộ phận trong sổ điểm và ghi điểm theo biểu mẫu 1 và 2, gửi cho khoa phụ trách học phần 1 bản gốc.
- Khoa phụ trách học phần: quản lý điểm theo biểu mẫu 1 và 2 của tất cả các học phần, gửi cho Phòng Đào tạo 01 bản gốc, khoa quản lý ngành đào tạo 01 bản và chịu trách nhiệm thông báo kết quả cho sinh viên.
- Khoa quản lý ngành đào tạo: quản lý điểm theo biểu điểm 1, 2 và 3 của các chương trình đào tạo thuộc khoa (biểu mẫu 3 nhận từ Phòng Đào tạo).
- Phòng Công tác học sinh - sinh viên: cập nhật danh sách sinh viên thuộc diện ưu tiên, sinh viên bị kỷ luật gửi cho Phòng Đào tạo vào cuối học kỳ.
- Phòng Đào tạo: quản lý biểu điểm 1, 2 và xây dựng biểu điểm số 3 theo từng học kỳ cho tất cả các ngành đào tạo cao đẳng, đại học để xét học tiếp, thôi học, tạm ngừng học, nghỉ học tạm thời và gửi cho các khoa quản lý ngành học 01 bản, Phòng Công tác học sinh, sinh viên 01 bản.
- Các khoa có nhiệm vụ lưu trữ bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn, đồ án môn học...ít nhất đến khi kết thúc thời gian quy định cho chương trình đào tạo; Phòng Đào tạo và các đơn vị chức năng có liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện qui trình chấm thi của các đơn vị giảng dạy.

-

Chương IV

THI TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 14: Thực tập cuối khoá, làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp.

1. Năm học cuối khoá, các sinh viên được đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và thi tốt nghiệp các môn khoa học Mác - LêNin, Tư tưởng Hồ Chí Minh được quy định như sau:

a. Làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp áp dụng cho các sinh viên hệ đại học đạt mức điểm qui định của Nhà trường. Hiệu trưởng qui định mức cụ thể cho từng khoá, ngành đào tạo và công bố vào đầu năm học cuối khoá. Đồ án, khoá luận tốt nghiệp hệ đại học là học phần có khối lượng 12 ĐVHT.

b. Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp áp dụng cho sinh viên đại học không được giao làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp và sinh viên cao đẳng sau khi tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình.

Nội dung thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tùy thuộc ngành học có thể gồm hai hoặc ba phần: Phần kiến thức cơ sở ngành, phần kiến thức chuyên môn; phần kiến thức sư phạm. Mỗi phần được tổng hợp ít nhất từ 2 học phần bắt buộc quy định trong chương trình. Tùy theo tình hình cụ thể, Hiệu trưởng cũng sẽ quyết định việc thi tốt nghiệp phần kỹ năng nghề và công bố vào đầu học kỳ cuối của khóa học.

c. Tất cả các sinh viên đại học, cao đẳng đều phải thi tốt nghiệp môn Khoa học Mác Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d. Khối lượng kiến thức các học phần thi tốt nghiệp như bảng dưới đây:

Kiến thức Thi TN Hệ đào tạo	Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức chuyên môn	Kiến thức sư phạm	Khoa học Mác lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh
Cao đẳng công nghệ kỹ thuật	4 ĐVHT	4 ĐVHT	0	3 ĐVHT
Cao đẳng sư phạm kỹ thuật	4 ĐVHT	4 ĐVHT	3 ĐVHT	3 ĐVHT
Đại học công nghệ kỹ thuật	6 ĐVHT	6 ĐVHT	0	4 ĐVHT

d. Cách tính điểm trung bình chung toàn khóa:

Tất cả các hệ đào tạo cao đẳng, đại học (trừ ngành Sư phạm kỹ thuật công nghiệp), điểm trung bình chung toàn khóa là điểm trung bình các điểm học phần và điểm thi tốt nghiệp phần kiến thức cơ sở ngành và phần kiến thức chuyên môn. Điểm thi tốt nghiệp phần kiến thức sư phạm được tính vào điểm trung bình chung của các học phần sư phạm.

Riêng ngành sư phạm kỹ thuật công nghiệp: Điểm trung bình chung toàn khóa là điểm trung bình của điểm học phần và điểm thi tốt nghiệp khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên môn và khối kiến thức sư phạm.

Điểm thi tốt nghiệp của môn Khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh không tính vào điểm trung bình học tập toàn khóa.

Thành phần điểm thi tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung toàn khóa tóm tắt như bảng dưới đây:

Điểm Hệ đào tạo	Điểm thành phần để tính điểm trung bình chung toàn khóa (không tính điểm GDTC, GDQP và ĐTTN các môn khoa học Mác – Lênin và Tư tưởng HCM)				Điểm trung bình chung khối kiến thức sư phạm
	Các điểm học phần	ĐTTN kiến thức cơ sở ngành	ĐTTN kiến thức chuyên môn	—	
Cao đẳng công nghệ kỹ thuật	Các điểm học phần	ĐTTN kiến thức cơ sở ngành	ĐTTN kiến thức chuyên môn	—	—
Cao đẳng SPKT	Các điểm HP(trừ các HP sư phạm)	ĐTTN kiến thức cơ sở ngành	ĐTTN kiến thức chuyên môn	—	Điểm các học phần SP + ĐTTN kiến thức sư phạm
Cao đẳng SPKT công nghiệp	Các điểm học phần	ĐTTN kiến thức cơ sở ngành	ĐTTN kiến thức chuyên môn	ĐTTN kiến thức sư phạm	—
Đại học công nghệ kỹ thuật	Các điểm học phần	ĐTTN kiến thức cơ sở ngành	ĐTTN kiến thức chuyên môn	—	—

2. Tùy theo điều kiện của trường và đặc thù của từng ngành đào tạo, vào đầu học kỳ cuối của khóa học Hiệu trưởng sẽ công bố:

- Các điều kiện để sinh viên được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp;
- Hình thức và thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, điều kiện được bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp;
- Nội dung các học phần thi, hình thức ôn tập và thi, hình thức chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp;
- Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn và trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp và ôn thi tốt nghiệp;

3. Một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm, thực nghiệm, khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp, các khoa đề xuất để Hiệu trưởng quyết định việc bố trí thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khóa.

4. Năm học cuối khoá, nếu sinh viên đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì không được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp.

Điều 15: Chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp và chấm thi tốt nghiệp.

1. Hàng năm hoặc học kỳ căn cứ vào tình hình thực tế, Hiệu trưởng quyết định thành lập các Hội đồng chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp; Hội đồng thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, kiến thức sư phạm và các môn khoa học Mác – LêNin, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Số lượng thành viên của mỗi hội đồng là 3 hoặc 5 hoặc 7 người, trong đó có chủ tịch và thư ký. Thành viên hội đồng là giảng viên của trường hoặc mời thêm những người có chuyên môn phù hợp ở ngoài trường.

2. Sau khi sinh viên trình bày nội dung và trả lời những câu hỏi, các thành viên của hội đồng chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp cho điểm theo phiếu. Điểm đánh giá đồ án, khoá luận là trung bình cộng các điểm của từng thành viên hội đồng, người đánh giá và người hướng dẫn được làm tròn đến phần nguyên.

3. Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, khối kiến thức sư phạm và các môn khoa học Mác- Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh có thể theo hình thức thi viết hoặc vấn đáp. Thời gian thi viết tối đa là 180 phút cho mỗi học phần; Việc ra đề thi, tổ chức thi, coi thi, chấm thi theo hình thức thi viết hoặc thi vấn đáp Nhà trường sẽ qui định cụ thể theo mỗi kỳ thi.

4. Kết quả chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, thi tốt nghiệp khối kiến thức sư phạm, thi tốt nghiệp các môn khoa học Mác- Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh theo hình thức vấn đáp phải được công bố sau mỗi buổi bảo vệ, mỗi buổi thi. Kết quả thi viết được công bố chậm nhất là 10 ngày sau khi thi.

Sinh viên có điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp, điểm thi tốt nghiệp theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 14 của Quy chế này nếu có điểm dưới 5, được Nhà trường tổ chức cho bảo vệ hoặc thi lại trong thời gian từ 3 đến 6 tháng sau khi trường công bố kết quả. Nội dung thi, hình thức thi, ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi, tổ chức bảo vệ đồ án hay khóa luận, xét và đề nghị công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên này được thực hiện như ở kỳ bảo vệ chính hoặc kỳ thi chính.

Điều 16: Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp.

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

a. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b. Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình, không còn học phần bị điểm dưới 5,00.

c. Được xếp loại đạt ở kỳ thi tốt nghiệp các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh;

d. Có các chứng chỉ quốc phòng và giáo dục thể chất (cùng trình độ hoặc cao hơn và không quá 3 năm kể từ ngày cấp), trường hợp được miễn hoặc giảm phải có đủ giấy tờ xác nhận theo quy định của chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

2. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ các điều kiện theo quy định.

Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng được uỷ quyền làm chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm thư ký; các thành viên là Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên, các Trưởng khoa chuyên môn phụ trách ngành học, Trưởng Bộ môn khoa học Mác Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các thành viên khác do Hiệu trưởng triệu tập khi cần thiết.

Điều 17: Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập và chuyển loại hình đào tạo.

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính. Bằng chỉ được cấp cho sinh viên khi đã ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trên tấm bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Sinh viên tham gia chương trình đào tạo sư phạm dạy nghề có kết quả đạt yêu cầu sẽ được Nhà trường cấp Giấy chứng nhận trình độ sư phạm. Việc xếp hạng của giấy chứng nhận căn cứ vào ĐTBTC các học phần sư phạm và điểm thi tốt nghiệp khối kiến thức sư phạm tính theo công thức tại điều 13.

Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung học tập của toàn khoá học (Điểm cao nhất trong các lần thi; không tính điểm thi Tốt nghiệp các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Sư phạm và điểm các môn Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất). Cụ thể như sau:

Từ 9,00 đến 10: Xuất sắc

Từ 8,00 đến 8,99: Giỏi

Từ 7,00 đến 7,99: Khá

Từ 6,00 đến 6,99: Trung bình khá

Từ 5,00 đến 5,99: Trung bình

3. Hạng tốt nghiệp của sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu vi phạm vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số đơn vị học trình quy định cho toàn khoá học;

b) Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm của sinh viên theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành, hướng chuyên sâu hoặc ngành phụ nếu có.

3. Những sinh viên còn chưa hoàn thành đồ án, khoá luận tốt nghiệp, các môn thi tốt nghiệp hoặc các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất nhưng đã hết

thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 3 năm tính từ ngày kết thúc khoá học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp cùng các sinh viên khoá dưới.

4. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nhu cầu, được quyền làm đơn xin phép chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại Khoản 4, Điều 6 của Quy chế này.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 18: Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra.

1. Trong khi kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp, bảo vệ đồ án, khoá luận (sau đây gọi tắt là thi) nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm. Hình thức xử lý kỷ luật theo quy định của Nhà trường và theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 1 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Xuân Mai

